

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: _____

31.7.1988

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

127 Panjabum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý lịch cá nhân

1. Name
Họ, tên : PHAN VĂN HIẾN Sex: Male
Phái nam
2. Other Names
Họ, tên khác : none
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 1934 Hưng Yên (North VN)
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 10148^B Ấp Tân Lập Xã Hợp Phú Huyện Thuận Đức
TP HCM
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : (Như trên)
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Làm thuê

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa nhê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Thái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia đình
1. <u>Trần Thị 12</u>	<u>1966</u>	<u>Saigon</u>	<u>W</u>		<u>Co</u>
2. <u>Phạm Văn Hòa</u>	<u>1963</u>	<u>Thuận Đức</u>	<u>Male</u>		<u>Con</u>
3. <u>Phạm Thị Huyền</u>	<u>1965</u>	<u>Saigon</u>	<u>W</u>		<u>Con</u>
4. <u>Trần Văn Hại</u>	<u>1966</u>	<u>Thuận Đức</u>	<u>Male</u>		<u>Con</u>
5. <u>Phạm Văn Hoàng</u>	<u>1970</u>	<u>Thuận Đức</u>	<u>Male</u>		<u>Con</u>
6. <u>Phạm Văn Hiền</u>	<u>1971</u>	<u>MT</u>	<u>Male</u>		<u>Con</u>
7. <u>Phạm Văn Hùng</u>	<u>1973</u>	<u>MT</u>	<u>Male</u>		<u>Con</u>
8. <u>Phạm Văn Hào</u>	<u>1975</u>	<u>MT</u>	<u>Male</u>		<u>Con</u>
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giả-thủ (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa nhê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ hàng ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ:		
a. Name Họ, Tên		none -
b. Relationship Liên-hệ gia-đình		
c. Address Địa-chỉ		
D. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ		
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên		
b. Relationship Liên-hệ gia-đình		
c. Address Địa-chỉ		

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father Cha	Phạm Văn Duyên	dead
2. Mother Mẹ	Vũ Thị Viên	dead
3. Spouse Vợ/Chồng:	Huyền Thị Lê	
4. Former Spouse (if any) Vợ/Chồng trước (nếu có):	Phạm Văn Hiền	
5. Children Con cái:	(1) Phạm Văn Hòa	
	(2) Phạm Thị Hương Loan	
	(3) Phạm Văn Hải	
	(4) Phạm Văn Hoàng	
	(5) Phạm Văn Hiền	
	(6) Phạm Văn Hưng	
	(7) Phạm Văn Hào	
	(8)	
	(9)	
6. Siblings Anh chị em:	(1) none -	
	(2)	
	(3)	
	(4)	
	(5)	
	(6)	
	(7)	
	(8)	
	(9)	

F. Employment by U.S. Government Agency or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sứ của chính-phủ Mỹ hoặc hàng Mỹ.

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : NONE
- Position title
Chức-vụ : _____
- Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____
- Length of Employment
Thời-gian làm-việc : From: _____ To: _____
TỪ _____ TỚI _____
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____
- Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____
2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
- Position title
Chức-vụ : _____
- Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____
- Length of Employment
Thời-gian làm việc : From: _____ To: _____
TỪ _____ TỚI _____
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____
- Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____
3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____
- Position title
Chức-vụ : _____
- Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____
- Length of Employment
Thời gian làm việc : From: _____ To: _____
TỪ _____ TỚI _____
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____
- Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with CVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: PHAU VAN HIEN
2. Dates:
Ngày, tháng, năm : From: 1958 To: 30-4-1975
TỪ TỚI
3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Thiếu tá Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: 54/203784
4. Military/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chúng : C.O. Colonel Huynh Min TAM (ARMOR SCHOOL)
5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám thị/sĩ-quan chỉ huy : _____

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc: 30-4-1975-

7. Name of American Advisor(s):
Họ tên cố vấn Mỹ: Lt Colonel Coughrov

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam: NONE-

9. U.S. Awards or Certifications
Name of award:
Phân-thưởng hoặc giấy khen: NONE Date received:
Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes No.)

(CHÚY: Xin hạn kèm theo bất kỳ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thư nếu có.
Đứng sẽ có không? Có (Không).)

C. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoài quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: PHAM VAN HIEN

2. School and School Address:
Trường và địa-chỉ nhà trường: U.S. ARMY AMOR SCHOOL Fort Nox Ky.

3. Dates:
Ngày, tháng, năm From: 1-4-1967 To: 1-8-1967
Từ: Đến:

4. Description of Courses:
Mô-tả ngành học: Radio Maintenance

5. Who paid for training?
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện?: U.S. Government

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No.)
(CHÚY: Xin hạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không.)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo: PHAM VAN HIEN

2. Time in Reeducation: From:
Thời gian học-tập Từ: To:
Đến: (3 ngày)

3. Still in Reeducation? Yes
Vẫn còn học-tập cải-tạo? Có No
Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

All of certificates were destroyed after 30-4-1975

Signature
Ký tên: [Signature]

Date
Ngày: 31-7-1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với bộ câu hỏi này

NONE

From: PHAM VAN HIEN
Ap. Tan Lap Xa Hiep Phung.
Thien Duc.
CP/Hue



To: PHUC NGUYEN
P.O. Box 5435 - ARLINGTON



587

PAR AVION VIA AIR MAIL

V.A. 22205. 0635 -
(U.S.A.)

VIET-NAM
\$VN 999
BUU CHINH
SOMAY 8-03-82

HO CHI MINH VIETNAM
317 88
10350

VIET-NAM
\$VN 999
BUU CHINH
SOMAY 8-03-82

HO CHI MINH VIETNAM
317 88
10350

HO CHI MINH VIETNAM
317 88
10350

VIET-NAM
\$VN 999
BUU CHINH
SOMAY 8-03-82

HO CHI MINH VIETNAM
317 88
10350

VIET-NAM
\$VN 999
BUU CHINH
SOMAY 8-03-82